TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2018/DS-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v "tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trọng Thắng ;

2. Bà Nguyễn Kim Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Qúi Nhân –Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 362/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST, ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường T – Nhân viên Ngân hàng - Là người đại diện ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1839/2017/UQ-TTT ngày 26/12/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) - có đơn đề nghị vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Công N, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A4-07-04 Chung cư E, Tổ 20, Khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do ông Phạm Trường T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 04 tháng 11 năm 2011 ông Huỳnh Công N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu), mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất 3.225%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Huỳnh Công N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 33.564.781 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Huỳnh Công N đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 32.157.000 đồng. Số tiền này được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Huỳnh Công N vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông Huỳnh Công N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/8/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 12/6/2018 ông Huỳnh Công N còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần các khoản như sau:

- Nợ gốc : 20.290.858 đồng
- Lãi quá hạn : 30.254.631 đồng
- Tổng cộng : 50.545.489 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhắc nhở và làm việc trực tiếp với ông Huỳnh Công N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông N trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký, nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Công N phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/6/2018 là 50.545.489 đồng (năm mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi chín) trong đó: nợ gốc là: 20.290.858 đồng; lãi quá hạn là: 30.254.631 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài số tiền trên ông Huỳnh Công N còn phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S xác nhận việc cấp thẻ tín dụng cho ông Huỳnh Công N với mục đích tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân ông N thanh toán số tiền còn nợ như trên, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng nên đề nghị Tòa án không triệu tập vợ ông N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bị đơn ông Huỳnh Công N đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 03/04/2018 và 27/4/2018 nhưng ông N không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy căn cứ Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Công N. Tòa án cũng tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2018 nhưng ông Huỳnh Công N vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Sau khi nghe Chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Công N thanh toán số tiền còn thiếu là 50.545.489 đồng (năm mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi chín). Bị đơn ông Huỳnh Công N sinh năm 1984 có địa chỉ cư trú tại số A4-07-04 Chung cư E, Tổ 20, Khu phố 2, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Đối với nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/5/2018; Bị đơn, ông Huỳnh Công N đã được tống đạt niêm yết hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S hoạt động trong các lĩnh vực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (Mã số doanh nghiệp: 0301103908) của Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng ký ngày 04/11/2011 giữa Thương mại Cổ phần S với ông Huỳnh Công N, thì Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng cho ông N với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu), Lãi suất 3,225%/tháng, mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân. Xét, chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

Thực hiện Hợp đồng, ông Huỳnh Công N đã nhận thẻ cấp tín dụng từ Ngân hàng và cũng đã thực hiện các giao dịch qua thẻ từ ngày 25/12/2011 đến ngày 25/10/2013 với tổng số tiền là 33.766.340 đồng. Tuy nhiên ông N chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 32.157.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm ba mươi chín nghìn) và từ sau ngày 25/6/2014 ông N không thanh toán tiếp các khoản nợ theo như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài G yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Công N phải trả số tiền nợ gốc, và tiền lãi đến ngày 12/6/2018 là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có chức năng hoạt động tín dụng theo Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và phần lãi suất do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 13/6/2018 theo lãi suất do hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 04/11/2011 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về thời gian trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 12/6/2018 là 50.545.489 đồng (năm mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi chín), tất cả trả làm một lần ngay sau

khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những lý lẽ đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.121.853 đồng (một triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm năm mươi ba).

[7] Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Huỳnh Công N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 466 và điểm b Khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1/ Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn ông Huỳnh Công N.

2/ Về nội dung:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Công N phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 50.545.489 đồng (năm mươi triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi chín), trong đó: tiền gốc là 20.290.858 đồng; tiền lãi tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2018 là 30.254.631 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày 13/6/2018 ông Huỳnh Công N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các

bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 04/11/2011 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Công N phải chịu 2.527.274 đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm bảy mươi bốn) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.121.853 đồng (một triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm năm mươi ba) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024671 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3/ Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Huỳnh Công N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ. (TK. Nhân)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG ĐẤU)

Trần Thị Thu Trang